ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI

Mã Chương:.....

Mẫu biểu số 12.9.4

CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THƯỜNG XUYÊN KHÁC NĂM 2027

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
	TỔNG SỐ	**618**	**1863**	**1877**	**14**	**100.7514761**	**702.416**	**0**	**2101.1**	**2628.6**	**527.48**	**125.10471**	**0**
I	**BẢO HIỂM Y TẾ**	**287**	**287**	**286**	-1	**99.65156794**	**155.4**	**0**	**362.9**	**392.2**	**29.3**	**108.07385**	**0**
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nngười hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Thương binh loại A +B	56	56	56	0	100	0	0	70.8	76.5	5.7	108.05085	0
5	Bệnh binh	20	20	19	-1	95	0	0	25.3	27.3	2	107.90514	0
6	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	7	7	7	0	100	0	0	8.8	9.6	0.8	109.09091	0
7	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế	112	112	112	0	100	0	0	141.6	153	11.4	108.05085	0
9	Người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp hàng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
10	Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp (Theo QĐ số 170/2008/QĐ-TTg)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Con đẻ người HĐKC nhiễm CĐHH đang hưởng trợ cấp hàng tháng	13	13	13	0	100	0	0	16.4	17.8	1.4	108.53659	0
13	Thân nhân người hoạt động cách mạng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13.1	*Thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945:* Vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13.2	*Thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa:* Vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Thân nhân liệt sĩ	48	48	48	0	100	0	0	60.7	65.6	4.9	108.07249	0
14.1	*Cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sỹ, vợ hoặc chồng, con liệt sỹ*	*48*	*48*	*48*	0	100	0	*0*	*60.7*	*65.6*	4.9	108.07249	0
14.2	*Vợ hoặc chồng liệt sỹ lấy chồng hoặc vợ khác mà nuôi con liệt sỹ đến tuổi trưởng thành hoặc chăm sóc cha đẻ, mẹ đẻ liệt sỹ khi còn sống hoặc vì hoạt động cách mạng mà không có điều kiện chăm sóc cha đẻ, mẹ đẻ liệt sỹ khi còn sống*	*0*	*0*	*0*	0	0	0	*0*	*0*	*0*	0	0	0
15	*Thân nhân của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	*Thân nhân của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng*	15	15	15	0	100	0	0	19	20.5	1.5	107.89474	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
17	*Thân nhân của Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng*	9	9	9	0	100	0	0	11.4	12.3	0.9	107.89474	0
18	*Thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng*	1	1	1	0	100	0	0	1.3	1.4	0.1	107.69231	0
19	Người phục vụ thương binh, Thương binh B, Bệnh binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Người hoạt động kháng chiến nhiễm CĐHH	6	6	6	0	100	0	0	7.6	8.2	0.6	107.89474	0
19.1	*Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19.2	*Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống ở gia đình*	6	6	6	0	100	0	0	7.6	8.2	0.6	107.89474	0
19.3	*Người phục vụ bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống ở gia đình*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19.4	*Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống ở gia đình*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**TRỢ CẤP ƯU ĐÃI MỘT LẦN ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH CÓ TỶ LỆ TỔN THƯƠNG CƠ THỂ TỪ 5%-20%**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	*Tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 5% - 10%*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	*Tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% - 15%*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	*Tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 16% - 20%*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**ĐIỀU DƯỠNG**	**61**	**125**	**123**	**-2**	**98.4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Chế độ điều dưỡng 1 năm/ 1 lần**	**11**	**10**	**10**	**0**	**100**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
1.2	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	1	1	1	0	100	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Cha đẻ, mẹ đẻ có 1 con duy nhất là liệt sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Cha đẻ, mẹ đẻ có 2 con là liệt sĩ trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	Bà mẹ Việt Nam anh hùng;	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	Thương binh, người hưởng chính sách như Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	7	7	7	0	100	0	0	0	0	0	0	0
1.7	Thương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.8	Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1	1	1	0	100	0	0	0	0	0	0	0
1.9	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	2	1	1	0	100	0	0	0	0	0	0	0
1.10	Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" trước cách mạng tháng Tám năm 1945	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	**Chế độ điều dưỡng 2 năm/ 1 lần**	**50**	**115**	**113**	**-2**	**98.26086957**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	Cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sỹ, vợ hoặc chồng, con liệt sỹ bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	10	11	10	-1	90.90909091	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%	69	73	72	-1	98.63013699	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Thương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%	2	4	2	-2	50	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%	15	12	15	3	125	0	0	0	0	0	0	0
2.6	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%	13	15	13	-2	86.66666667	0	0	0	0	0	0	0
2.7	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
2.8	Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	**Tổng số đối tượng điều dưỡng tập trung**	**61**	**125**	**123**	**-2**	**98.4**	**153.1**	**0**	**414.17**	**409.15**	**-5.02**	**98.787937**	**0**
3.1	Điều dưỡng phục hồi sức khỏe tại nhà	61	85	83	-2	97.64705882	153.1	0	213.36	208.34	-5.02	97.647169	0
3.2	Điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung	0	40	40	0	100	0	0	200.81	200.81	0	100	0
IV	**HỖ TRỢ MUA PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP, DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CẦN THIẾT, VẬT PHẨM PHỤ VÀ VẬT DỤNG KHÁC**	**25**	**21**	**30**	**9**	**142.8571429**	**34.77**		**10.05**	**32.43**	**22.38**	**322.68657**	**0**
1	Tay giả tháo khớp vai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tay giả trên khuỷu	1	0	0	0	0	3.38	0	0	0	0	0	0
3	Tay giả dưới khuỷu	2	0	0	0	0	4.44	0	0	0	0	0	0
4	Chân tháo khớp hông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chân giả trên gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhóm chân giả tháo khớp gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chân giả dưới gối có bao da đùi	4	0	4	4	0	14.4	0	0	14.4	14.4	0	0
8	Chân giả dưới gối có dây đeo số 8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chân giả tháo khớp cổ chân	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
10	Nhóm nẹp Ụ ngồi - Đai hông	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
11	Nẹp đùi	0	0	1	1	0	0		0	2.75	2.75	0	0
12	Nẹp cẳng chân	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
13	Nhóm máng nhựa chân và tay	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
14	Giầy chỉnh hình	4	4	4	0	100	5.8		5.8	5.8	0	100	0
15	Dép chỉnh hình	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
16	Áo chỉnh hình	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
17	Xe lắc tay	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
18	Xe lăn tay	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
19	Nạng cho người bị cứng khớp gối	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
20	Máy trợ thính	4	4	4	0	100	1.8		1.8	1.8	0	100	0
21	Răng giả	0	0	1	1	0	0		0	3.33	3.33	0	0
22	Hàm giả	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
23	Vật phẩm phụ:										0	0	0
	Người được cấp chân giả	4	0	4	4	0	1.6		0	1.6	1.6	0	0
	Người được cấp tay giả	3	0	0	0	0	0.9		0	0	0	0	0
	Người được cấp nạng	0	0	1	1	0	0		0	0.3	0.3	0	0
	Người được lắp mắt giả	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
	Người được cấp áo chỉnh hình	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
24	Bảo trì phương tiện đối với trường hợp được cấp tiền mua xe lăn, xe lắc	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
25	Kính râm và gậy dò đường	1	1	1	0	100	0.15		0.15	0.15	0	100	0
26	Đồ dùng phục vụ sinh hoạt	2	2	2	0	100	2.3		2.3	2.3	0	100	0
V	**TRỢ CẤP ƯU ĐÃI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**	**0**	**10**	**8**	**-2**	**80**	**0**		**125.24**	**55.94**	**-69.3**	**44.666241**	**0**
1	**Trợ cấp ưu đãi hằng tháng khi theo học tại các cơ sở phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học**	**0**	**3**	**3**	**0**	**100**	**0**		**117.42**	**50.37**	**-67.05**	**42.897292**	**0**
1.1	Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.2	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.3	Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.4	Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
1.5	Thân nhân liệt sĩ	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.6	Con Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.7	Con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, con của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61 % trở lên	0	1	0	-1	0	0		33.47	0	-33.47	0	0
1.8	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.9	Con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%	0	2	3	1	150	0		83.95	50.37	-33.58	60	0
1.10	Con của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 60%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.11	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21 % đến 60%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2	**Hỗ trợ ưu đãi giáo dục tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học**	**0**	**7**	**5**	**-2**	**71.42857143**	**0**		**7.82**	**5.57**	**-2.25**	**71.227621**	**0**
1.1	Mức hưởng trợ cấp để theo học tại cơ sở giáo dục mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non: 0,2 lần mức chuẩn/01 đối tượng/01 năm.	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2.2	Mức hưởng trợ cấp để theo học tại cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường lớp dành cho người khuyết tật: 0,4 lần mức chuẩn/01 đối tượng/01 năm.	0	4	2	-2	50	0		4.47	2.22	-2.25	49.66443	0
2.3	Mức hưởng trợ cấp để theo học tại cơ sở phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học: 0,4 lần mức chuẩn/01 đối tượng/01 năm.	0	3	3	0	100	0		3.35	3.35	0	100	0
VI	**QUÀ LỄ, TẾT**	**0**	**1027**	**1056**	29	**102.8237585**	**0**	**0**	**313.8**	**332.5**	**18.7**	**105.95921**	**0**
1	**Ngày Thương binh - Liệt sĩ**	**0**	**513**	**527**	14	**102.7290448**	**0**	**0**	**156.6**	**170.8**	**14.2**	**0**	**0**
1.1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
1.2	Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng; thân nhân hai liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.3	Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như TB bị có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên (Bao gồm cả thương binh loại B được công nhận từ trước ngày 31/12/1993) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	0	8	8	0	100	0		4.8	4.8	0	100	0
1.4	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	0	1	1	0	100	0		0.6	0.6	0	100	0
1.5	Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống (Bao gồm cả thương binh loại B được công nhận từ trước ngày 31/12/1993) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.	0	175	180	5	102.8571429	0		52.5	54	1.5	102.85714	0
1.6	Thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
1.7	Thân nhân liệt sĩ (cha đẻ, mẹ đẻ; vợ, chồng; con; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ khi còn nhỏ)	0	20	20	0	100	0		6	6	0	100	0
1.8	Người thờ cúng liệt sĩ (anh, em, người được dòng tộc ủy nhiệm việc thờ cúng liệt sĩ)	0	283	290	7	102.4734982	0		84.9	97	12.1	114.25206	0
1.9	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	0	26	28	2	107.6923077	0		7.8	8.4	0.6	107.69231	0
2	**Ngày Tết Nguyên đán**	**0**	**514**	**529**	**15**	**102.9182879**	**0**	**0**	**157.2**	**161.7**	**4.5**	**102.8626**	**0**
2.1	Người HĐCM trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	0	1	1	0	100	0		0.6	0.6	0	100	0
2.2	Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2.3	Anh hùng LLVT, anh hùng lao động trong thời kỳ KC	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2.4	Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng; thân nhân hai liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2.5	Người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp nuôi dưỡng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
2.6	Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên (Bao gồm cả thương binh loại B được công nhận từ trước ngày 31/12/1993) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	0	8	8	0	100	0		4.8	4.8	0	0	0
2.7	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	0	1	1	0	100	0		0.6	0.6	0	100	0
2.8	Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống (Bao gồm cả thương binh loại B được công nhận từ trước ngày 31/12/1993) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.	0	175	180	5	102.8571429	0		52.5	54	1.5	102.85714	0
2.9	Thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2.10	Thân nhân liệt sĩ (cha đẻ, mẹ đẻ; vợ, chồng; con; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ khi còn nhỏ)	0	20	20	0	100	0		6	6	0	100	0
2.11	Người thờ cúng liệt sĩ (anh, em, người được dòng tộc ủy nhiệm việc thờ cúng liệt sĩ)	0	282	290	8	102.8368794	0		84.6	87	2.4	102.83688	0
2.12	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
2.13	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	0	26	28	2	107.6923077	0		7.8	8.4	0.6	107.69231	0
2.14	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	0	1	1	0	100	0		0.3	0.3	0	100	0
VII	**HỖ TRỢ CÁC CHÍNH SÁCH, NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC LIỆT SỸ**	**225**	**341**	**308**	**-33**	**90.32258065**	**315**	**0**	**474.4**	**730.2**	**255.8**	**153.92074**	**0**
1	Hỗ trợ chi phí báo tử liệt sĩ	0	0	6	6	0	0		0	15.2	15.2	0	0
2	Trợ cấp thờ cúng đối với liệt sĩ không còn thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	225	335	290	-45	86.56716418	315		469	406	-63	86.567164	0
3	Chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	0	6	6	0	100	0		5.4	5.4	0	100	0
4	Chi hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
5	Chi trợ cấp một lần khi truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người thừa kế của liệt sĩ;	0	0	6	6	0	0		0	303.6	303.6	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
VIII	**CÁC CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC**	**20**	**52**	**66**	**14**	**126.9230769**	**197.246**	**0**	**814.73**	**1085.33**	**270.6**	**133.21346**	**0**
1	Cấp tiền mua Báo Nhân dân cho người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945	1	1	1	0	100	1.533		1.53	1.53	0	100	0
2	Quà tặng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo Bộ, cơ quan trung ương đối với cơ sở nuôi dưỡng người có công với cách mạng, người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng;	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
3	Hỗ trợ thuốc, điều trị và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người có công với cách mạng đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng của ngành Nội vụ	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
a)	Hỗ trợ chăm sóc y tế, phục hồi sức khỏe tại cơ sở nuôi dưỡng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
b)	Hỗ trợ điều trị tại cơ sở y tế để thanh toán chi phí điều trị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật và các chi phí khác liên quan không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
4	Hỗ trợ người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công về thăm gia đình	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
5	Hỗ trợ đón tiếp thân nhân của người có công với cách mạng đến thăm người có công với cách mạng đang nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
6	Chi công tác phí cho người làm việc tại cơ sở nuôi dưỡng đi phục vụ người có công điều trị tại các cơ sở khám, chữa bệnh, giám định thương tật và về thăm gia đình	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
7	Tàu xe khám chữa bệnh, giám định thương tật	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
8	Hỗ trợ tiền đi lại và tiền ăn cho đối tượng khi đi làm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình hoặc khi đi điều trị phục hồi chức năng theo chỉ định	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0
9	Chi tiền ăn thêm ngày lễ, tết đối với thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	8	8	8	0	100	3.2		20.8	20.8	0	100	0
10	Phí giám định y khoa lần đầu, giám định bổ sung, giám định lại theo quy định	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
11	Trợ cấp 3 tháng khi người có công với cách mạng từ trần	1	10	15	5	150	8.4		120	180	60	150	0
12	Kinh phí thực hiện truy lĩnh trợ cấp	5	10	10	0	0	67.113		134.2	134.2	0	0	0
13	Mai táng phí	5	23	32	9	139.1304348	117		538.2	748.8	210.6	139.13043	0
13.1	*Đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng*	*1*	*10*	*15*	5	150	*23.4*		*234*	*351*	117	150	0
13.2	*Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, NCC giúp đỡ cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến*	*4*	*10*	*12*	2	120	*93.6*		*234*	*280.8*	46.8	120	0
13.3	*Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp*	*0*	*3*	*5*	2	166.6666667	*0*		*70.2*	*117*	46.8	166.66667	0
14	Chi khác theo quy định của pháp luật (chi tiết các nội dung chi khác theo quy định của pháp luật)	0	0	0	0	0	*0*		*0*	*0*	0	0	0